

Bản án số: 15 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình
2. Ông Nguyễn Văn Bá

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Kim T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Đoàn Thái S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T1, xã N, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa vắng mặt anh S nhưng anh S có ý kiến xin được vắng mặt tham dự phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Kim T trình bày: Chị và anh S do mai mối nên xây dựng hôn nhân và thành hôn vào

năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 26/09/2015. Thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do mai mối nên khi cưới về giữa chị và anh S thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau. Dù cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng chị T nhận thấy tình cảm giữa chị và anh S không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân giữa chị và anh S không đạt. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đoàn Thái B, sinh ngày 03/7/20014 hiện chị đang nuôi. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với anh S, con chung chị T yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh S nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019 anh Đoàn Thái S trình bày: Thống nhất như lời trình bày của chị T về thời gian thành hôn và đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay theo yêu cầu của chị T anh S đồng ý ly hôn. Về con chung anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Nhưng anh S có lời trình bày xin được vắng tham gia xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện không có bổ sung. Bị đơn vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Đặng Kim T được ly hôn với anh Đoàn Thái S.

Giao con chung Đoàn Thái B, sinh ngày 03/7/2014 cho chị Đặng Kim T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T nộp 300.000đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp, do đó chị T không phải nộp tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Thái S, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp Nhơn Trí, xã N, huyện O, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện O. Do đó, Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn anh Đoàn Thái S có ý kiến xin vắng mặt tham gia xét xử tại Tòa án. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đoàn Kim T và anh Đoàn Thái S kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 26/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện O theo giấy chứng nhận kết hôn số: 70/2015, quyển số: 01/2015 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân, chị Đặng Kim T cho rằng vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi với nhau, chị và anh S cố gắng khắc phục tình cảm nhưng không hàn gắn được. Anh S cũng xác định vợ chồng sống chung cũng thường xuyên cự cãi nhau và nay theo yêu cầu của chị T, anh S cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh S xác định có 01 con chung tên Đoàn Thái B, sinh ngày 03/7/2014, hiện đang sống chung chị T cuộc sống cũng đảm bảo, anh S cũng có ý kiến là đồng ý để chị T tiếp tục nuôi. Để tạo cuộc sống ổn định cho cháu nên tiếp tục giao cháu Đoàn Thái B cho chị T nuôi, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: đây là nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn nhưng chị T là người trực tiếp nuôi con, hiện tại cuộc sống cháu cũng đảm bảo,

Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng và anh S không tự nguyện cấp dưỡng nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp 300.000đồng án phí ly hôn theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Kim T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Kim T ly hôn với anh Đoàn Thái S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đoàn Thái B, sinh ngày 03/7/2015 cho chị Đặng Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đoàn Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con và anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đặng Kim T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0015090 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện O.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã N, huyện O, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Bá Phúc